

Bản án số: 125/2022/HS-PT
Ngày: 14-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Ông Lê Sỹ Trứ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 88/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy T do có kháng cáo của bị hại Đặng Thị T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- ***Bị cáo không có kháng cáo:*** Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1975 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: số 95, tổ 4, khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị L; có chồng là ông Nguyễn Quốc T (đã ly hôn năm 2016) và có 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 24/12/2021 cho đến nay; có mặt.

- ***Bị hại có kháng cáo:*** bà Đặng Thị T (T1), sinh năm 1959 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Trong vụ án còn có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2020, bà Đặng Thị T vay của Nguyễn Thị Thùy T 13.000.000 đồng, tiền lãi: 800.000 đồng, trả góp trong thời hạn 69 ngày, mỗi ngày bà T1 trả cho T 200.000 đồng. Bà T1 đã trả được cho T 600.000 đồng, bà T1 còn nợ của T 13.200.000 đồng từ tháng 3 năm 2020 đến ngày 26/02/2021 nhưng chưa trả.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/02/2021, bà Đặng Thị T1 điều khiển xe mô tô hiệu YAMAHA JUPITER, màu sơn: trắng-đen, biển số 61H1 – 559.37 đi trên đường Cách Mạng Tháng Tám hướng từ ngã tư Kiểm Lâm về ngã tư Cầu Cát, khi đến đoạn đường thuộc khu phố 2, thị trấn D, huyện D, cùng lúc này bị cáo Nguyễn Thị Thùy T cũng đang điều khiển xe mô tô hiệu HONDA SH MODE, màu: bạc, biển số 61H1-596.37 đi một mình trên đường Cách Mạng Tháng Tám thì nhìn thấy bà T1 đang điều khiển xe mô tô đi phía trước cùng chiều nên T điều khiển xe vượt lên phía trước chặn xe mô tô bà T1 để đòi tiền nợ. Khi cả hai dừng xe lại thì T nói với bà T1: “Tại sao chị nợ tiền tôi không trả?”, bà T1 trả lời: “Từ từ tao làm tao trả”. Nghe vậy, T giật lấy chìa khóa xe mô tô của bà T1 và nói: “Chị trả tiền rồi tôi trả xe”. Khi nghe hai người cãi nhau, ông Nguyễn Tiến Q và bà Ngô Thị L đang làm việc tại quán cà phê Anh T gần đó đi bộ đến đứng cách nơi bà T1 và T khoảng 02 (hai) mét để quan sát xem chuyện gì xảy ra. Bà T1 bỏ đi và để lại chiếc xe mô tô biển số 61H1 – 559.37 tại lề phải đường Cách Mạng Tháng Tám. Sau khi bà T1 bỏ đi, Nguyễn Thị Thùy T đẩy bộ xe mô tô biển số 61H1 – 559.37 đến trước quán cà phê Anh T rồi nhờ Nguyễn Tiến Q và Ngô Thị L chứng kiến sự việc Nguyễn Thị Thùy T dùng chìa khóa mở cốp xe kiểm tra bên trong có tài sản gì không, Nguyễn Tiến Q và Ngô Thị L đồng ý. Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T mở cốp xe biển số 61H1 – 559.37 kiểm tra bên trong cốp xe không có tiền và tài sản gì. Sau đó, bị cáo T điện thoại cho anh ruột tên Nguyễn Văn T (T2) nhờ ông T2 đến điều khiển xe mô tô biển số 61H1 – 559.37 về nhà ông T2 giúp. Khi ông T2 đến trước quán cà phê Anh Thư gặp bị cáo T, T nói nguồn gốc xe trên là xe mô tô của T nên ông T2 đồng ý và điều khiển xe về nhà ông T2 tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Sau khi bỏ đi, bà T1 đến Công an thị trấn D, huyện D trình báo sự việc bị Nguyễn Thị Thùy T chiếm đoạt xe mô tô biển số 61H1 – 559.37 và tài sản trong cốp xe gồm có: tiền Việt Nam 45.000.000 đồng; 01 vòng vàng 18k trị giá 7.220.000 đồng; 01 lắc vàng 18k trị giá 3.816.000 đồng. Tổng trị giá tiền và vàng trong cốp xe là 56.036.000 đồng. Cùng ngày, Công an thị trấn D mời Nguyễn Thị Thùy T đến trụ sở Công an thị trấn D để làm việc và thu giữ vật chứng là chiếc xe mô tô biển số 61H1 – 559.37.

Tại Cáo trạng số: 88/CT-VKSĐT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2021/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 172; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 31/12/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thùy T cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/01/2022, bị hại Đặng Thị T1 làm đơn kháng cáo đối với trách nhiệm dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản 56.036.000 đồng và bồi thường tiền công lao động thu nhập bị mất tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 61.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và ngày công lao động của bị hại, xét lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án về tiền và vàng mà bị hại cho rằng để trong cốp xe có nhiều mâu thuẫn về thời gian, đối với chiếc xe 01 xe mô tô hiệu YAMAHA JUPITER biển số: 61H1-559.37 cũng không phải bị hại là chủ sở hữu mà là do ông Dương Bảo H là chủ sở hữu và cấp sơ thẩm đã trả lại cho ông H, cấp sơ thẩm đã xem xét yêu cầu của bị hại nhưng không đủ căn cứ chấp nhận, bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị hại bà Đặng Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm. Tại phần tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo: mong Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại Đặng Thị T1 được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thùy T đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/02/2021, tại đoạn đường Cách Mạng Tháng Tám thuộc khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Thị Thùy T đã chặn xe mô tô của bị hại bà Đặng Thị T1. Khi bà T1 dừng xe mô tô hiệu YAMAHA JUPITER, màu sơn: trắng-đen, biển số 61H1 – 559.37, T rút lấy chìa khóa, khi bà T1 bỏ đi T đã lấy chiếc xe và nhờ anh ruột là ông Nguyễn Văn T2 điều khiển xe mô tô nói trên chạy về nhà của ông T2 cất giữ tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại bà T1 đối với phần trách nhiệm dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản 56.036.000 đồng và bồi thường tiền công lao động thu nhập bị mất tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 61.000.000 đồng nhưng bà T1 không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ; bản án sơ thẩm trong phần nhận định có xem xét về yêu cầu bồi thường của bị hại và xác định không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm thể hiện “2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.” là chưa đúng quy định nên cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp. Xét bị hại kháng cáo về trách nhiệm bồi thường dân sự là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và thu nhập bị mất của bị hại không được chấp nhận, tuy nhiên bị hại là người cao tuổi (trên 60 tuổi), thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đặng Thị T1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự của bị hại Đặng Thị T1 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy T.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị hại Đặng Thị T1 được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện D (3);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại (2)
- Tổ Hành chính Tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, LTH, 14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Quân Vương